Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Import Tariff Advisory Report – 0906.20.00

Mã HS	0906.20.00 Quế và hoa quế / - Đã xay hoặc nghiền
Mô tả sản phẩm	
Nước xuất xứ	Chưa cung cấp
Ngày nhập khẩu	2026-11-29 (dữ liệu năm 2026)
Thời điểm tạo	29/11/2026 14:00:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/tools/tariff-advisor/?hs=09062000

Recommended Tariff Options – phương án thuế

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
1	AANZFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AANZ
2	ACFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	E
3	AIFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AI
4	AJCEP	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AJ
5	AKFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AK
6	ATIGA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	D
7	CPTPP	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	CPTPP

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
8	EVFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EUR.1
9	UKVFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EUR.1
10	VCFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VC
11	VJEPA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	JV · Form VJ
12	VKFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VK
13	VN-EAEU	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EAV
14	VN-LAO	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	S
15	AHKFTA	4	4%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AHK
16	RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
17	RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
18	RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
19	RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
20	RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
21	RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
22	VIFTA	11.4	11,4%	Documentation Required	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✗; Xác minh: ✗	Form VI (verify)

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
23	VN-CAM		Không có dữ liệu	Eligibility Not Confirmed	Thuế suất: ✗; Quốc gia: ?; Năm: ✗; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	S
24	VNCU		Không có dữ liệu	Eligibility Not Confirmed	Thuế suất: ✗; Quốc gia: ?; Năm: ✗; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VNCB · Form VC (Cuba)

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0906.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0906.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1439), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Required Documentation – chứng từ cần chuẩn bị

Required Documentation – chứng từ cần chuẩn bị	Ghi chú
Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	Mô tả hàng, đơn giá, điều kiện giao hàng phải khớp tờ khai và C/O.
Phiếu đóng gói (Packing List)	
Vận đơn (Bill of Lading / AWB)	Chứng minh vận chuyển trực tiếp khi hưởng FTA.

Required Documentation – chứng từ cần chuẩn bị	Ghi chú
Tờ khai hải quan nhập khẩu (VNACCS)	Khai mã HS, mã biểu thuế, xuất xứ.
Hợp đồng mua bán	

Recommended Next Actions – việc cần làm

#	Khuyến nghị
1	Đọc văn bản được dẫn chiếu.
2	Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.
3	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).

Thuế suất: biểu thuế tổng hợp BT2026

Lộ trình FTA: các worksheet AC, AT, AJ, VJ, AK, AANZ, AI, VK, VC, EAV, CPTPP, AKH, EV-NK, VNCU, UKV, VI, VNCAM, RCEP A–F

Thành viên FTA, mã quốc gia: dữ liệu tham chiếu (REFERENCE)

Quy tắc khuyến cáo, mapping: dữ liệu khuyến cáo (ADVISORY)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.